

Bản án số: 111/2024/DS -ST

Ngày: 09/8/2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thi Thị Thanh Trúc

Bà Trần Thị Sang

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Châu Thị Phượng Liên - Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:* Bà Võ Thị Bé Trà, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 678/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 186/2024/QĐXX-ST ngày 12 tháng 7 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng N

Địa chỉ: Số B, L, phường T, quận B, Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền cho Ngân hàng N là ông Trần Hải Đ – Nhân viên Ngân hàng N chi nhánh huyện C, tỉnh Trà Vinh (xin vắng mặt)

Nơi công tác: Ngân hàng N chi nhánh huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Ông Võ Văn Đ1, sinh năm 1950 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Võ Thanh P, sinh năm 1985; (vắng mặt)

2/ Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1952; (vắng mặt)

3/ Bà **Quảng Thị K**, sinh năm 1985. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: **ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh**

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn **Ngân hàng N** là ông **Trần Hải Đ** trình bày:

Vào ngày 17/10/2022, ông **Võ Văn Đ1**, sinh năm: 01/1/1950 có vay của **Ngân hàng N** Số tiền là: 200.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm triệu đồng) Theo hợp đồng tín dụng số: 7409LAV202204437/HĐTD ngày 17 tháng 10 năm 2022. Mục đích vay vốn: Cải tạo ao nuôi tôm, nuôi bò sinh sản, lãi suất 10%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Hạn trả chia làm 02 kỳ, kỳ thứ nhất là ngày 17/10/2023 trả gốc 100.000.000 đồng và lãi, kỳ trả thứ hai vào ngày 17/10/2024 trả gốc 100.000.000 đồng và lãi. Tuy nhiên ông **Đ1** không có trả nợ gốc và tiền lãi cho Ngân hàng

Để đảm bảo cho hoạt động kinh doanh của **Ngân hàng N** được thuận lợi và ổn định. Nay **Ngân hàng N** yêu cầu quý Tòa xem xét buộc ông **Võ Văn Đ1**, ông **Võ Thanh T**, bà **Nguyễn Thị G**, bà **Quảng Thị Kim t** cho Ngân hàng 200.000.000đồng (hai trăm triệu đồng) nợ gốc và tiền lãi tính từ ngày 17/10/2022 đến ngày 03/7/2024 là 40.807.200đồng và yêu cầu tính lãi tiếp từ ngày 04/7/2024 cho đến khi buộc ông **Võ Văn Đ1**, ông **Võ Thanh T**, bà **Nguyễn Thị G**, bà **Quảng Thị Kim t** hết nợ.

Đối với bị đơn ông **Võ Văn Đ1**, ông **Võ Thanh T**, bà **Nguyễn Thị G**, bà **Quảng Thị Kim** **Tòa á** đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập cho ông **Võ Văn Đ1**, ông **Võ Thanh T**, bà **Nguyễn Thị G**, bà **Quảng Thị Kim b**. Nhưng ông **Võ Văn Đ1**, ông **Võ Thanh T**, bà **Nguyễn Thị G**, bà **Quảng Thị K** không đến Tòa án theo thông báo của Tòa án, cố tình vắng mặt và không gửi văn bản nêu ý kiến của ông **Võ Văn Đ1**, ông **Võ Thanh T**, bà **Nguyễn Thị G**, bà **Quảng Thị K** đối với yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng N**.

* Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử.

- Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa hôm nay đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý đến thời điểm này nguyên đơn, đã thực hiện theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng theo quy định 70, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với việc giải quyết vụ án: Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa hôm nay, đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông **Võ Văn Đ1**, ông **Võ Thanh P**, bà **Nguyễn Thị G**, bà **Quảng Thị K** phải trả cho ngân hàng vốn gốc 200.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 03/7/2024 là: 40.807.200 đồng. Và ông **Võ Văn Đ1**, ông **Võ Thanh P**, bà **Nguyễn Thị G**, bà **Quảng Thị K** phải tiếp tục chịu lãi sau ngày 03/7/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ cho ngân hàng theo lãi suất của hợp đồng tín dụng số: 7409LAV202204437/HĐTD ngày 17/10/2022.

Án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật (trừ trường hợp thuộc đối tượng được miễn án phí).

Ông **Võ Văn Đ1**, ông **Võ Thanh T**, bà **Nguyễn Thị G**, bà **Quảng Thị K** có vay tiền của **Ngân hàng N** 200.000.000 đồng. Hiện tại vẫn chưa trả. Khi khởi kiện Ngân hàng đã cung cấp toàn bộ chứng cứ gồm hợp đồng tín dụng, giấy giải ngân. Đây là sự thật, không cần phải chứng minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn **Ngân hàng N** khởi kiện ông **Võ Văn Đ1**, ông **Võ Thanh T**, bà **Nguyễn Thị G**, bà **Quảng Thị K**, trú tại **ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh** trả nợ vay. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh thụ lý vụ án, nhưng ông **Võ Văn Đ1**, ông **Võ Thanh T**, bà **Nguyễn Thị G**, bà **Quảng Thị K** không đến Tòa án theo thông báo của Tòa án. Người đại diện cho Ngân hàng có đơn xin xét

xử vắng mặt, nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại 207, 208, 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Vào 17/10/2022, ông **Võ Văn Đ1** cùng đại diện cho ông **Võ Thanh T**, bà **Nguyễn Thị G**, bà **Quảng Thị K** (có văn bản uỷ quyền) có vay tại **Ngân hàng N – Chi nhánh huyện C** số tiền là: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) Theo hợp đồng tín dụng số: 7409LAV202204437/HĐTD ngày 17 tháng 10 năm 2022. Mục đích vay vốn: Cải tạo ao nuôi tôm, nuôi bò sinh sản, lãi suất 10%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Hạn trả chia làm 02 kỳ, kỳ thứ nhất là ngày 17/10/2023 trả gốc 100.000.000 đồng và lãi. Việc ký hợp đồng này là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên hợp đồng tín dụng trên là hợp pháp. Tuy nhiên khi đến hạn trả nợ, nhưng ông **Võ Văn Đ1**, ông **Võ Thanh T**, bà **Nguyễn Thị G**, bà **Quảng Thị K** không có trả nợ theo thỏa thuận, nên số tiền gốc đến ngày xét xử sơ thẩm là: 200.000.000 đồng. Số tiền lãi tạm tính tiền lãi tính từ ngày 17/10/2022 đến ngày 03/7/2024 là 40.807.200đồng. Nay **Ngân hàng N** khởi kiện yêu cầu ông **Võ Văn Đ1**, ông **Võ Thanh T**, bà **Nguyễn Thị G**, bà **Quảng Thị K** phải có nghĩa vụ trả nợ gốc là 200.000.000 đồng, 40.807.200đồng tiền lãi và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đến khi trả hết nợ. Theo hồ sơ tín dụng **Ngân hàng** cung cấp phía ông **Võ Văn Đ1**, ông **Võ Thanh T**, bà **Nguyễn Thị G**, bà **Quảng Thị K** có vay tiền của **Ngân hàng N chi nhánh huyện C** là sự thật và đến nay ông **Võ Văn Đ1**, ông **Võ Thanh T**, bà **Nguyễn Thị G**, bà **Quảng Thị K** chưa trả. Do đó việc khởi kiện của **Ngân hàng** nêu trên là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận phù hợp theo quy định tại Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng

[4] Đề nghị của Vị Kiểm sát viên đúng quy định pháp luật và nhận định trên của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận

[5] Về án phí sơ thẩm: ông **Võ Văn Đ1**, bà **Nguyễn Thị G** cùng là người cao tuổi và thuộc đối tượng được miễn nộp án phí, nên Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông **Võ Văn Đ1**, bà **Nguyễn Thị G**.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 321, Điều 322 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng, Áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện **Ngân hàng N**

2/ Buộc ông **Võ Văn Đ1**, ông **Võ Thanh T**, bà **Nguyễn Thị G**, bà **Quảng Thị K** phải có nghĩa vụ liên đới trả cho **Ngân hàng N** 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), số tiền lãi tạm tính tiền lãi tính từ ngày 17/10/2022 đến ngày 03/7/2024 là 40.807.200đồng.

Kể từ ngày 04/7/2024 cho đến khi thi hành án xong, đối với số nợ gốc chưa trả, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi theo mức lãi suất quá hạn (lãi suất chậm trả) được ghi trong Theo hợp đồng tín dụng số: 7409LAV202204437/HĐTD ngày 17 tháng 10 năm 2022 tương ứng với thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

3/ Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông **Võ Văn Đ1**, bà **Nguyễn Thị G**.

Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho **Ngân hàng N** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.675.000đ (năm triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003415 ngày 24/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự vắng mặt tại phiên toà biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết nơi cư trú.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu;

Nguyễn Phú Hiệp